| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 13 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2025
"*V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Lê Văn Đáng
- Bà Sơn Thị Thiêng

*Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu, điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long, vụ án thụ lý số 226/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HN ngày 03/12/2025 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn***: Chị Kim Thị Bô P, sinh ngày 01/01/1983. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt).

***- Bị đơn***: Anh Kim B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt).

Ngoài ra, có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên toà trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Quách Trương L - Nhân viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2025, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Kim Thị Bô P trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Vào năm 2004 chị P và anh Kim B xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (cũ). Sau khi kết hôn anh chị về sống chung bên

chồng một thời gian thì ra sống riêng, anh chị cùng đi làm thuê; trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B thay đổi tính tình hay uống rượu không quan tâm chăm lo gia đình, chị nhiều lần khuyên, tìm cách hàn gắn sống hoà thuận nhưng không kết quả nên chị bỏ đi sống riêng với anh B từ năm 2024 đến nay. Nay chị thấy giữa anh chị không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Kim B.

- Về con chung tên: Kim Cha R, sinh ngày 05/03/2006, Kim Sô Ra D, sinh ngày 17/12/2012. Đối với con chung tên Kim Cha Rê D1 đã thành niên, chị P không yêu cầu giải quyết; đối với con tên Kim S Ra Da, chị P để tuỳ theo nguyện vọng của con theo cha hoặc theo mẹ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Chị P không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết, chị không có yêu cầu khác.

*Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn Kim B có lời khai, trình bày ý kiến như sau:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất trình bày của chị Kim Thị Bô P về hôn nhân anh chị chung sống có đăng ký kết hôn; trong cuộc sống anh thừa nhận giữa anh chị bất đồng quan điểm, tính tình hai bên đều nóng nải nên thường cải vả nhiều việc trong gia đình, không hòa thuận được nhưng anh thấy mâu thuẫn không lớn, anh còn thương chị P, anh hứa sửa đổi tính tình, tạo điều kiện hàn gắn lại nên không đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung tên: Kim Cha R, sinh ngày 05/03/2006, Kim Sô Ra D, sinh ngày 17/12/2012. Đối với con chung tên Kim Cha Rê D1 đã thành niên, anh B không yêu cầu giải quyết; đối với con tên Kim S Ra Da, anh B yêu cầu được nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Anh B không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết, anh không có yêu cầu khác.

***Lời phát biểu của Kiểm sát viên***:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án;

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân cho chị Kim Thị Bô P ly hôn với anh Kim B; Về con chung tên Kim S Ra D1 đề nghị giao cho anh B được quyền nuôi theo nguyện vọng của con; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết; Về án phí hôn nhân sơ buộc các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật**: Xét đơn của chị Kim Thị B1 Phol khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Kim B, chổ ở hiện nay ấp Ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**[2] Về hôn nhân**: Xét thấy chị Kim Thị Bô P và anh Kim B chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị P và anh B là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị P và anh B xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm về cách ứng xử không hoà thuận được nên anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không hàn gắn được; anh B thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh còn thương chị P nên yêu cầu hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, sau khi chị P và anh B không còn chung sống với nhau đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng không còn tin tưởng, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và anh B đã tìm cách tạo điều kiện để hàn gắn lại nhưng chị P không đồng ý; phía Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh B ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kim Thị Bô P.

**[3] Về con chung tên**: Kim Cha R, sinh ngày 05/03/2006, Kim Sô Ra D, sinh ngày 17/12/2012. Đối với con chung tên Kim Cha Rê D1 đã thành niên, chị P, anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Đối với con tên Kim S Ra Da, có nguyện vọng sống với cha, chị P đồng ý để tuỳ theo nguyện vọng của con, chị không đặt ra tranh chấp nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con tên Kim S Ra Da cho anh B được quyền trực tiếp trông nom, chăm

sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con theo nguyện vọng và phù hợp với quy định của pháp luật.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con**: Xét thấy đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị P và anh B không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[5] Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả**: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị P và anh B không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm**: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị P phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

**[7]** Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị Bô P.

***- Về hôn nhân***: Xử cho chị Kim Thị Bô P ly hôn với anh Kim B.

***- Về nuôi con chung tên***: Kim Cha R, sinh ngày 05/03/2006, Kim Sô Ra D, sinh ngày 17/12/2012.

+ Đối với con chung tên Kim C Rê Da đã thành niên, chị P, anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Giao anh Kim B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Kim Sô Ra D, sinh ngày 17/12/2012 theo nguyện vọng của con.

Chị Kim Thị Bô P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

***- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con***: Xét thấy đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị P và anh B không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

***- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả***: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị P và anh B không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

***- Về án phí hôn nhân sơ thẩm***: Chị Kim Thị Bô P phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007747 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị P đã nộp đủ.

***- Về quyền kháng cáo***: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 - Vĩnh Long;
- THADS khu vực 13 - Vĩnh Long;
- UBND xã Tập Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**